

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: **Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại: **028 6256 3862**

Fax: **028 3827 4115**

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Đỗ Thị Thu Nga**

Địa chỉ: **Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại (cơ quan): **028 6256 3862**

Fax: **028 3827 4115**

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Hợp nhất và Riêng lẻ 06 tháng đầu năm 2023 và Văn bản giải trình biến động lợi nhuận.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/8/2023 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin



**ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý**



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 12 tháng 9 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung 
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

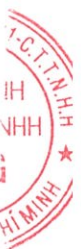
Báo cáo soát xét số: 23-01-00333-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		2.351.595.467.370	2.538.477.702.905
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	21.296.451.363	7.668.804.630
Tiền	111		11.296.451.363	7.668.804.630
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.327.204.135.436	2.527.879.070.464
Phải thu của khách hàng	131	8	18.048.934.634	20.242.867.968
Trả trước cho người bán	132		38.775.000	12.314.996
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	2.150.394.077.093	2.350.850.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	175.834.001.703	176.047.556.602
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(17.111.652.994)	(19.273.669.102)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.094.880.571	2.929.827.811
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		443.192.607	789.818.310
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.651.687.964	2.140.009.501
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		5.363.837.536.000	7.349.458.136.297
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.055.000.000.000	985.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	1.055.000.000.000	985.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	366.266.235
Tài sản cố định hữu hình	221		-	366.266.235
Nguyên giá	222		198.840.318	609.058.500
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.840.318)	(242.792.265)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.308.745.312.639	6.363.958.385.053
Đầu tư vào các công ty con	251	11(a)	3.829.862.020.000	5.789.811.020.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	11(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(a)	(169.219.431.378)	(73.955.358.964)
Tài sản dài hạn khác	260		92.223.361	133.485.009
Chi phí trả trước dài hạn	261		92.223.361	133.485.009
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.715.433.003.370	9.887.935.839.202

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

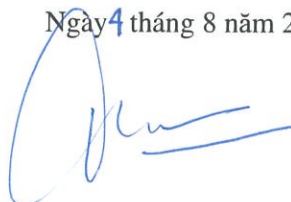
Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.426.686.724.233	4.448.858.147.957
Nợ ngắn hạn	310		134.133.749.714	2.159.876.532.432
Phải trả người bán	311	12	41.197.315.956	47.454.673.876
Người mua trả tiền trước	312		293.382.022	293.382.022
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	679.946.787	2.788.446.307
Chi phí phải trả	315	14	84.601.272.438	86.832.348.603
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	7.361.832.511	4.307.681.624
Vay ngắn hạn	320	16(a)	-	2.018.200.000.000
Nợ dài hạn	330		2.292.552.974.519	2.288.981.615.525
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	315.033.720.000	315.033.720.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	16(b)	1.977.361.393.019	1.973.790.034.025
Dự phòng phải trả dài hạn	342		157.861.500	157.861.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.288.746.279.137	5.439.077.691.245
Vốn chủ sở hữu	410	17	5.288.746.279.137	5.439.077.691.245
Vốn cổ phần	411	18	3.271.329.400.000	3.271.329.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.271.329.400.000	3.271.329.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.126.179.665.149	2.126.179.665.149
(Lỗi lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(108.762.786.012)	41.568.626.096
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		41.568.626.096	28.005.542.651
- (Lỗi)/lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		(150.331.412.108)	13.563.083.445
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.715.433.003.370	9.887.935.839.202

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	99.459.748.446	107.527.723.491
Chi phí tài chính	22	21	209.446.802.188	97.860.555.157
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		110.574.844.933	94.289.196.163
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	40.546.531.335	54.298.697.360
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(150.533.585.077)	(44.631.529.026)
Thu nhập khác	31		215.400.000	503.945.630
Chi phí khác	32		13.227.031	2.756.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		202.172.969	501.189.630
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(150.331.412.108)	(44.130.339.396)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(150.331.412.108)	(44.130.339.396)

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

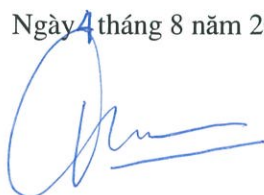
	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(150.331.412.108)	(44.130.339.396)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	-	196.529.328
Các khoản dự phòng	03	93.545.489.914	(97.510.879)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(21.755)	(1.128.246)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(99.456.462.631)	(104.429.693.894)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	114.146.203.927	97.860.555.157
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(42.096.202.653)	(50.601.587.930)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	10.904.477.854	1.087.542.540
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(15.413.813.515)	7.933.019.517
Biến động chi phí trả trước	12	387.887.351	398.299.925
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	256.165.829.261
		(46.217.650.963)	214.983.103.313
Tiền lãi vay đã trả	14	(102.703.604.661)	(95.935.433.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.921.255.624)	119.047.670.163
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	363.636.364	13.505.557
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(187.500.000.000)	(3.494.950.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	317.955.922.907	3.244.350.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(740.000.000.000)	-
Tiền thu hồi vốn góp từ các công ty con	26	2.699.949.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	89.980.530.806	126.099.566.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.180.749.090.077	(124.486.927.975)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.645.400.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.663.600.000.000)	(29.300.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(209.475)	(136.019.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.018.200.209.475)	(29.436.019.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.627.624.978	(34.875.276.912)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	7.668.804.630	88.110.851.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	21.755	1.128.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	21.296.451.363	53.236.702.442

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

Mã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chínhNguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 11.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 109 nhân viên (1/1/2023: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi khoản lãi phát sinh trong giai đoạn trước ngày mua chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

311
CÔNG
CỔ
PHẦN
MA
S
AN
ME
A
L
I
F
E

M.S.C.N. O
C
*
THA

01-C.T.T.N
NH
INHH
G
MINH

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

2451
CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
ĐỒ CHÌ

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và chứng khoán kinh doanh; lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(o) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị biến động theo thời vụ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	11.296.451.363	7.668.804.630
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	<hr/>	
	21.296.451.363	7.668.804.630

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

8. Phải thu của khách hàng

Không có số dư phải thu từ các bên liên quan trong khoản phải thu của khách hàng (1/1/2023: không).

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.273.669.102	19.647.876.013
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(443.433.608)	(125.070.956)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.718.582.500)	(97.510.879)
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	17.111.652.994	19.425.294.178

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	Tháng 3 năm 2024	39.000.000.000	-
Công ty con sở hữu gián tiếp			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Tháng 5 năm 2024	218.916.497.299	289.700.000.000
Bên liên quan khác			
▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)	Tháng 6 năm 2024	1.892.477.579.794	2.061.150.000.000
		<hr/>	
		2.150.394.077.093	2.350.850.000.000
		<hr/>	

Tất cả các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có bảo đảm và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một công ty con sở hữu trực tiếp (*)	Tháng 12 năm 2024	70.000.000.000	-
Phải thu về cho vay từ một đối tác (**)	Tháng 10 năm 2024	985.000.000.000	985.000.000.000
		<hr/>	
		1.055.000.000.000	985.000.000.000
		<hr/>	

(*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có bảo đảm và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay.

(**) Phải thu về cho vay dài hạn phản ánh khoản phải thu về cho vay từ một đối tác, hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cho vay này thì Công ty có quyền hoán đổi khoản cho vay này để sở hữu 74,99% cổ phần của Công ty Cổ phần Masan Jinju với giá hoán đổi được xác định tại ngày thực hiện quyền hoán đổi theo các điều kiện và điều khoản như quy định trong hợp đồng cho vay này.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lãi phải thu từ khoản cho vay	157.017.633.650	119.553.387.022
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	14.315.068	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ một công ty con	-	28.000.000.000
Phải thu khác từ các công ty con	18.366.218.925	20.172.333.386
Chi trả hộ cho Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con	-	7.965.909.712
Đặt cọc ngắn hạn	176.506.530	176.976.808
Phải thu khác	259.327.530	178.949.674
	<hr/>	<hr/>
	175.834.001.703	176.047.556.602

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	5.289.683.899	9.835.399.959
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	1.781.707.629	31.135.513.121
▪ Công ty Cổ phần Masan Jinju	3.100.000	-
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	15.342.466	235.309.226
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	13.888.264.733	54.530.181.451
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	2.238.082.898	235.309.226
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	1.465.339.066	340.777.976
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	90.100	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan”)	137.424.981.510	67.905.010.271
	<hr/>	<hr/>

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư vào các công ty con

	30/6/2023		1/1/2023	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
		Dự phòng giảm giá VND		Dự phòng giảm giá VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (“Meat Hà Nam”)	100,00%	2.036.000.000.000	-	1.296.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Farm Nghệ An”)	100,00%	864.000.000.000	-	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”)	51,00%	614.774.300.000	(169.219.431.378)	614.774.300.000 (73.955.358.964)
Công ty Cổ phần Masan Jinju (“MSJ”)*	74,99%	315.033.720.000	-	315.033.720.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)**	99,99%	54.000.000	-	2.700.003.000.000
		3.829.862.020.000 (169.219.431.378)		5.789.811.020.000 (73.955.358.964)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(*) Đây là khoản đầu tư vào MSJ (do một bên liên quan nắm giữ hộ) mà Công ty kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động dựa trên các điều khoản và điều kiện của một hợp đồng cho vay hoán đổi. Giá gốc của khoản đầu tư sẽ được xác định khi giá thực hiện của quyền hoán đổi được các bên thống nhất (Thuyết minh 9(b)).

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, MNS Meat đang trong quá trình giải thể.

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Meat Hà Nam VND	Farm Nghệ An VND	3F VIỆT VND	MSJ VND	MNS Meat VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.296.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	315.033.720.000	2.700.003.000.000	5.789.811.020.000
Tăng trong kỳ	740.000.000.000	-	-	-	-	740.000.000.000
Thu hồi vốn góp	-	-	-	-	(2.699.949.000.000)	(2.699.949.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.036.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	315.033.720.000	54.000.000	3.829.862.020.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty được mô tả như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MEATDeli HN	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Xóm Cón Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Chăn nuôi lợn
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm; và chế biến, bảo quản thịt
Công ty Cổ phần Masan Jinju	Nhà máy 5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt
Công ty TNHH Meat MNS	(Trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, Đường số 4, Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật)

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	73.955.358.964	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	95.264.072.414	-
Số dư cuối kỳ	169.219.431.378	-

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2023 và 1/1/2023		
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Hoạt động chính của Vissan là bán buôn thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Không có biến động của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	38.225.888.712	44.344.572.562
Các nhà cung cấp khác	2.971.427.244	3.110.101.314
	<hr/>	<hr/>
	41.197.315.956	47.454.673.876

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	455.625.000	2.234.562.749
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	38.225.888.712	44.344.572.562
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	8.433.972	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	7.286.700	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.232.362.188	-	(1.232.362.188)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.788.446.307	8.348.490.889	(10.304.933.830)	(152.056.579)	679.946.787
Các loại thuế khác	-	28.000.000	(28.000.000)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.788.446.307	9.608.853.077	(10.332.933.830)	(1.384.418.767)	679.946.787

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	77.396.486.301	66.629.470.685
Thường thành tích và lương tháng 13	2.422.464.000	8.894.390.401
Chiết khấu thương mại	-	1.729.547.257
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	49.170.000
Chi phí khác	4.782.322.137	9.529.770.260
	84.601.272.438	86.832.348.603

15. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	5.700.140.000	-
Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Farm, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	1.477.041.096
Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Meat Processing, một công ty con sở hữu gián tiếp	-	1.418.734.248
Cổ tức phải trả	733.721.100	733.930.575
Phải trả khác	927.971.411	677.975.705
	7.361.832.511	4.307.681.624

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả đầu tư vào MSJ (Thuyết minh 11(a))	315.033.720.000	315.033.720.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	2.018.200.000.000	3.645.400.000.000	(5.663.600.000.000)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay không đảm bảo từ các công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Công ty TNHH MNS Meat Processing	VND	(*)	-	1.154.200.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Farm	VND	(*)	-	864.000.000.000
			-	2.018.200.000.000

(*) Các khoản vay không đảm bảo từ các công ty con sở hữu gián tiếp chịu lãi suất theo quy định trong các hợp đồng vay.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(22.618.606.981)	(26.189.965.975)
	1.977.361.393.019	1.973.790.034.025

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	11,3%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và 3,9% cộng với lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các ngân hàng lớn được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Những trái phiếu này không có bảo đảm.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	26.189.965.975	33.332.683.963
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	(3.571.358.994)
Số dư cuối kỳ	22.618.606.981	29.761.324.969

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	28.005.542.651	5.416.895.027.800
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(44.130.339.396)	(44.130.339.396)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	(16.124.796.745)	5.372.764.688.404
Phát hành cổ phiếu theo ESOP	1.444.930.000	7.174.650.000	-	8.619.580.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	57.693.422.841	57.693.422.841
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	41.568.626.096	5.439.077.691.245
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(150.331.412.108)	(150.331.412.108)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(108.762.786.012)	5.288.746.279.137

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	132.000.000	420.000.000

(b) Ngoại tệ

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.088	25.432.530	5.204	121.766.335

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu nhập lãi	99.459.092.502	104.429.693.894
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	634.189	8.991.935
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21.755	1.128.246
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	3.087.909.416
	<hr/>	<hr/>
	99.459.748.446	107.527.723.491

21. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	110.574.844.933	94.289.196.163
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	95.264.072.414	-
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	3.571.358.994
Chi phí khác	36.525.847	-
	<hr/>	<hr/>
	209.446.802.188	97.860.555.157

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên (*)	35.463.461.488	43.848.171.724
Chi phí thuê hoạt động	690.850.730	669.786.880
Chi phí dụng cụ văn phòng	548.299.570	947.047.009
Chi phí khấu hao và phân bổ	-	196.529.328
Chi phí khác	3.843.919.547	8.637.162.419
	<hr/>	<hr/>
	40.546.531.335	54.298.697.360

(*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán Công ty cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(150.331.412.108)	(44.130.339.396)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(30.066.282.422)	(8.826.067.879)
Chi phí không được khấu trừ thuế	71.359.483	30.271.410
Biến động của các chênh lệch tạm thời	29.994.922.939	8.795.796.469
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	279.783.506.741	55.956.701.348	172.273.308.169	34.454.661.634
Lỗi tính thuế	1.082.757.734.361	216.551.546.872	1.040.293.318.235	208.058.663.647
	1.362.541.241.102	272.508.248.220	1.212.566.626.404	242.513.325.281

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2023	Đã quyết toán	202.694.631.599
2024	Đã quyết toán	334.832.987.975
2026	Chưa quyết toán	405.181.465.911
2027	Chưa quyết toán	97.584.232.750
2028	Chưa quyết toán	42.464.416.126
		<u>1.082.757.734.361</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng nếu có thể là đáng kể.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	-	258.600.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	2.921.350.000.000
Thu nhập lãi cho vay và trái phiếu	-	93.417.470.235
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Meat		
Vay	2.265.400.000.000	-
Trả nợ gốc vay	2.265.400.000.000	-
Chi phí lãi vay	848.690.413	-
Thu hồi vốn góp	2.699.949.000.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty TNHH MNS Farm		
Trả nợ gốc vay	864.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.172.054.795	-
Công ty TNHH MNS Meat Processing		
Trả nợ gốc vay	1.154.200.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.517.852.057	-
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Thu hồi khoản cho vay	-	106.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	1.715.216.440
Lợi nhuận được chia nhận được	28.000.000.000	-
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cho vay	39.000.000.000	158.200.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	117.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.042.849.314	1.581.032.877
Vay	1.380.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	1.380.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	489.369.865	-
Góp vốn	740.000.000.000	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	78.500.000.000	50.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	149.283.502.701	100.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.733.539.812	7.333.816.449
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cho vay	70.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	15.342.466	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin	2.436.128.958	1.780.994.003
Chi phí thuê	-	208.885.195
Mua hàng hóa	15.763.633	16.728.182
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	44.203.712	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Bán chứng khoán kinh doanh	-	258.637.909.416
Mua hàng hóa	142.495.178	103.169.196
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)		
Cho vay	-	3.028.150.000.000
Thu hồi khoản cho vay	168.672.420.206	-
Thu nhập lãi cho vay	80.847.551.033	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	1.971.246.000	1.964.775.000

Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 2022.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	317.148.004.780	246.361.499.592
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	404.530.356.723	196.000.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN	7.465.216.792	-

Ngày 4 tháng 8 năm 2023



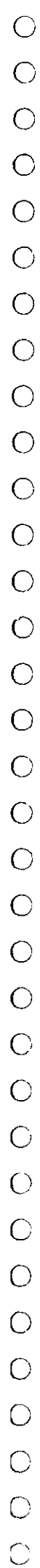
Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc





Masan MEATLife Corporation

Separate Interim Financial Statements
for the six-month period ended
30 June 2023



**Masan MEATLife Corporation
Corporate Information**

**Enterprise Registration
Certificate No.**

0311224517

7 October 2011

The Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is dated 12 September 2022. The Enterprise Registration Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Board of Directors

Mr. Danny Le	Chairman
Mr. Tran Phuong Bac	Member
Mr. Huynh Viet Thang	Member
Mr. Nguyen Quoc Trung	Member

Board of Management

Mr. Nguyen Quoc Trung	Chief Executive Officer
-----------------------	-------------------------

Audit Committee

Mr. Huynh Viet Thang	Chairman
Mr. Tran Phuong Bac	Member

Registered Office

10th Floor, Central Plaza Tower
17 Le Duan
Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam

Auditor

KPMG Limited
Vietnam

Masan MEATLife Corporation Statement of the Board of Management

The Board of Management of Masan MEATLife Corporation (“the Company”) presents this statement and the accompanying separate interim financial statements of the Company for the six-month period ended 30 June 2023.

The Company’s Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of the separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting. In the opinion of the Company’s Board of Management:

- (a) the separate interim financial statements set out on pages 5 to 32 give a true and fair view of the separate financial position of the Company as at 30 June 2023, and of its separate results of operations and its separate cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Company’s Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying separate interim financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



Nguyen Quoc Trung *ln*
Chief Executive Officer

Ho Chi Minh City, 4 August 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INTERIM FINANCIAL INFORMATION REVIEW REPORT

To the Shareholders Masan MEATLife Corporation

We have reviewed the accompanying separate interim financial statements of Masan MEATLife Corporation (“the Company”), which comprise the separate balance sheet as at 30 June 2023, the separate statements of income and cash flows for the six-month period then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company’s Board of Management on 4 August 2023, as set out on pages 5 to 32.

Management’s Responsibility

The Company’s Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of separate interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor’s Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these separate interim financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – *Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity*.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

06
AN
II
IG
7C



Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying separate interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the separate financial position of Masan MEATLife Corporation as at 30 June 2023 and of its separate results of operations and its separate cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City

Vietnam

Review Report No.: 23-01-00333-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 4 August 2023

Trieu Tich Quy
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 4629-2023-007-1



Masan MEATLife Corporation
Separate balance sheet as at 30 June 2023

Form B 01a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 130 + 150)	100		2,351,595,467,370	2,538,477,702,905
Cash and cash equivalents	110	7	21,296,451,363	7,668,804,630
Cash	111		11,296,451,363	7,668,804,630
Cash equivalents	112		10,000,000,000	-
Accounts receivable – short-term	130		2,327,204,135,436	2,527,879,070,464
Accounts receivable from customers	131	8	18,048,934,634	20,242,867,968
Prepayments to suppliers	132		38,775,000	12,314,996
Short-term loans receivable	135	9(a)	2,150,394,077,093	2,350,850,000,000
Other short-term receivables	136	10	175,834,001,703	176,047,556,602
Allowance for doubtful debts	137	8	(17,111,652,994)	(19,273,669,102)
Other current assets	150		3,094,880,571	2,929,827,811
Short-term prepaid expenses	151		443,192,607	789,818,310
Deductible value added tax	152		2,651,687,964	2,140,009,501
Long-term assets (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		5,363,837,536,000	7,349,458,136,297
Accounts receivable – long-term	210		1,055,000,000,000	985,000,000,000
Long-term loans receivable	215	9(b)	1,055,000,000,000	985,000,000,000
Fixed assets	220		-	366,266,235
Tangible fixed assets	221		-	366,266,235
Cost	222		198,840,318	609,058,500
Accumulated depreciation	223		(198,840,318)	(242,792,265)
Intangible fixed assets	227		-	-
Cost	228		918,560,700	918,560,700
Accumulated amortisation	229		(918,560,700)	(918,560,700)
Long-term financial investments	250		4,308,745,312,639	6,363,958,385,053
Investments in subsidiaries	251	11(a)	3,829,862,020,000	5,789,811,020,000
Investment in an associate	252	11(b)	648,102,724,017	648,102,724,017
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	254	11(a)	(169,219,431,378)	(73,955,358,964)
Other long-term assets	260		92,223,361	133,485,009
Long-term prepaid expenses	261		92,223,361	133,485,009
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		7,715,433,003,370	9,887,935,839,202

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

24
 G
 PH
 ST
 11
 11
 11
 H
 N
 K
 11/1

Masan MEATLife Corporation
Separate balance sheet as at 30 June 2023 (continued)

Form B 01a – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		2,426,686,724,233	4,448,858,147,957
Current liabilities	310		134,133,749,714	2,159,876,532,432
Accounts payable to suppliers	311	12	41,197,315,956	47,454,673,876
Advances from customers	312		293,382,022	293,382,022
Taxes payable to State Treasury	313	13	679,946,787	2,788,446,307
Accrued expenses	315	14	84,601,272,438	86,832,348,603
Other short-term payables	319	15(a)	7,361,832,511	4,307,681,624
Short-term borrowings	320	16(a)	-	2,018,200,000,000
Long-term liabilities	330		2,292,552,974,519	2,288,981,615,525
Other long-term payables	337	15(b)	315,033,720,000	315,033,720,000
Long-term bonds	338	16(b)	1,977,361,393,019	1,973,790,034,025
Long-term provisions	342		157,861,500	157,861,500
EQUITY (400 = 410)	400		5,288,746,279,137	5,439,077,691,245
Owners' equity	410	17	5,288,746,279,137	5,439,077,691,245
Share capital	411	18	3,271,329,400,000	3,271,329,400,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		3,271,329,400,000	3,271,329,400,000
Share premium	412		2,126,179,665,149	2,126,179,665,149
(Accumulated losses)/Undistributed profits after tax	421		(108,762,786,012)	41,568,626,096
- Undistributed profits after tax brought forward	421a		41,568,626,096	28,005,542,651
- Net (loss)/profit after tax for the current period/prior year	421b		(150,331,412,108)	13,563,083,445
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		7,715,433,003,370	9,887,935,839,202

4 August 2023



Ma Hong Kim
Chief Accountant



Nguyen Thi Hong Diem
Chief Financial Officer



Nguyen Quoc Trung
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

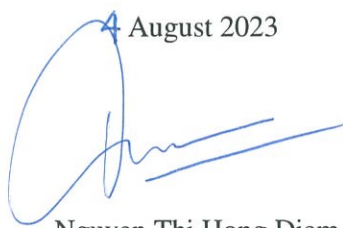
Masan MEATLife Corporation
Separate statement of income for the six-month period ended 30 June 2023

Form B 02a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Financial income	21	20	99,459,748,446	107,527,723,491
Financial expenses	22	21	209,446,802,188	97,860,555,157
<i>In which: Interest expense</i>	23		110,574,844,933	94,289,196,163
General and administration expenses	26	22	40,546,531,335	54,298,697,360
Net operating loss (30 = 21 - 22 - 26)	30		(150,533,585,077)	(44,631,529,026)
Other income	31		215,400,000	503,945,630
Other expenses	32		13,227,031	2,756,000
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		202,172,969	501,189,630
Accounting loss before tax (50 = 30 + 40)	50		(150,331,412,108)	(44,130,339,396)
Income tax expense – current	51	23	-	-
Income tax expense – deferred	52	23	-	-
Net loss after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		(150,331,412,108)	(44,130,339,396)



Ma Hong Kim
Chief Accountant

August 2023


Nguyen Thi Hong Diem
Chief Financial Officer



Nguyen Quoc Trung
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan MEATLife Corporation
Separate statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2023
(Indirect method)

Form B 03a – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Six-month period ended	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Accounting loss before tax	01	(150,331,412,108)	(44,130,339,396)
Adjustments for			
Depreciation and amortisation	02	-	196,529,328
Allowances and provisions	03	93,545,489,914	(97,510,879)
Exchange gains arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	(21,755)	(1,128,246)
Profits from investing activities	05	(99,456,462,631)	(104,429,693,894)
Interest expense and bond issuance costs	06	114,146,203,927	97,860,555,157
Operating loss before changes in working capital	08	(42,096,202,653)	(50,601,587,930)
Change in receivables and other assets	09	10,904,477,854	1,087,542,540
Change in payables and other liabilities	11	(15,413,813,515)	7,933,019,517
Change in prepaid expenses	12	387,887,351	398,299,925
Change in trading securities	13	-	256,165,829,261
		(46,217,650,963)	214,983,103,313
Interest paid	14	(102,703,604,661)	(95,935,433,150)
Net cash flows from operating activities	20	(148,921,255,624)	119,047,670,163
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Proceeds from disposals of fixed assets	22	363,636,364	13,505,557
Payments for granting loans and placements of term deposits	23	(187,500,000,000)	(3,494,950,000,000)
Receipts from collecting loans and withdrawals of term deposits	24	317,955,922,907	3,244,350,000,000
Payments for investments in subsidiaries	25	(740,000,000,000)	-
Receipts from collecting contributed capital from subsidiaries	26	2,699,949,000,000	-
Receipts of interest and profits distribution	27	89,980,530,806	126,099,566,468
Net cash flows from investing activities	30	2,180,749,090,077	(124,486,927,975)

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan MEATLife Corporation
Separate statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2023
(Indirect method – continued)

Form B 03a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Six-month period ended	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from borrowings	33	3,645,400,000,000	-
Payments to settle loan principals	34	(5,663,600,000,000)	(29,300,000,000)
Payments of dividends	36	(209,475)	(136,019,100)
Net cash flows from financing activities	40	(2,018,200,209,475)	(29,436,019,100)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50	13,627,624,978	(34,875,276,912)
Cash and cash equivalents at beginning of the period	60	7,668,804,630	88,110,851,108
Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents	61	21,755	1,128,246
Cash and cash equivalents at end of the period (70 = 50 + 60 + 61)	70	21,296,451,363	53,236,702,442


 Ma Hong Kim
 Chief Accountant

4 August 2023

 Nguyen Thi Hong Diem
 Chief Financial Officer


 Nguyen Quoc Trung
 Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate interim financial statements.

1. Reporting entity

(a) Ownership structure

Masan MEATLife Corporation (“the Company”) is a joint stock company incorporated in Vietnam.

The Company’s shares were traded on the Unlisted Public Company Market (“UPCOM”) in accordance with the Decision No. 804/QD-SGDHN issued by Ha Noi Stock Exchange on 2 December 2019.

(b) Principal activity

The principal activity of the Company is investment holding.

(c) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

(d) The Company’s structure

As at 30 June 2023, the Company had 5 directly owned subsidiaries and 1 directly owned associate (1/1/2023: 5 directly owned subsidiaries and 1 directly owned associate) as listed in Note 11.

As at 30 June 2023, the Company had 109 employees (1/1/2023: 117 employees).

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

These separate interim financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

The Company prepares and issues its consolidated interim financial statements separately. For a comprehensive understanding of the consolidated financial position as at 30 June 2023 of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as “the Group”), their consolidated results of operations and their consolidated cash flows for the six-month period then ended, these separate interim financial statements should be read in conjunction with the consolidated interim financial statements of the Group as at and for the six-month period ended 30 June 2023.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(b) Basis of measurement

The separate interim financial statements, except for the separate statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The separate statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December. These separate interim financial statements are prepared for the six-month period ended 30 June 2023.

(d) Accounting and presentation currency

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for the separate interim financial statements presentation purposes.

3. Significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements.

The accounting policies that have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements are consistent with those adopted in the preparation of the latest separate annual financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and the account transfer selling rate, respectively, at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the separate statement of income.

(b) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(c) Investments

(i) Trading securities

Trading securities are bonds held by the Company for trading purpose i.e. purchased for resale with the aim of making profits over a short period of time. Trading securities are initially recognised at cost which include purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, they are measured at cost less interest income for the period before investment acquisition date and allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in value of trading securities if there is evidence that market price of the securities item falls below its carrying amount. The allowance is reversed if the market price subsequently increases after the allowance was recognised. An allowance is reversed only to the extent that the securities' carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(ii) Investments in subsidiaries and an associate

For the purpose of these separate interim financial statements, investments in subsidiaries and an associate are initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

(e) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair, maintenance and overhaul cost, is charged to the separate statement of income in the period in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(j) Share capital and share premium

Share capital is recognised at issuance price less incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects. Such costs are recognised as a deduction from share premium. The excess of proceeds from issuance of shares over the par value of shares issued is recorded as share premium.

(k) Taxation

Income tax on the profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the separate statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly in equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted at the end of the accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous periods.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using the tax rates enacted or substantively enacted at the end of the accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(l) Financial income and financial expenses

(i) Financial income

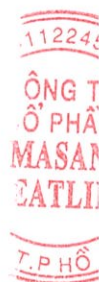
Financial income comprises interest income from bank deposits, loans receivable and trading securities; gains from disposals of trading securities and foreign exchange gains.

Interest income is recognised in the separate statement of income on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

(ii) Financial expenses

Financial expenses comprise interest expense on borrowings and bonds, and associated issuance costs (collectively referred to as “borrowing costs”); allowance for diminution in the value of long-term financial investments and foreign exchange losses.

Borrowing costs are recognised as an expense in the period in which they are incurred.



Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(m) Operating leases

Assets held under leases in terms of which the Company, as lessee, does not assume substantially all the risks and rewards of ownership are classified as operating leases and are not recognised in the separate balance sheet. Payments made under operating leases are recognised in the separate statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the separate statement of income as an integral part of the total lease expense, over the term of the lease.

(n) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

(o) Employee stock ownership plans

Shares issued to employees based on the employee stock ownership plans (“ESOP”) are issued at price as stipulated in the Board of Directors’ resolution.

(p) Comparative information

Comparative information in these separate interim financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior period is included as an integral part of the current period separate interim financial statements and is intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current period. Accordingly, the comparative information included in these separate interim financial statements is not intended to present the Company’s separate financial position, separate results of operations or separate cash flows for the prior period.

Comparative information was derived from the balances and amounts reported in the Company’s separate annual financial statements for the year ended 31 December 2022 and the Company’s separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2022.

4. Seasonality of operations

The Company’s results of operations is not subject to seasonal fluctuations.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

5. Changes in accounting estimates

In preparing these separate interim financial statements, the Company's Board of Directors made several accounting estimates. Actual results may differ from these estimates. There were no significant changes in basis of accounting estimates compared to those made in the most recent separate annual financial statements or those made in the same interim period of the prior year.

6. Changes in the composition of the Company

There were no significant changes in the composition of the Company since the end of the last annual accounting period which affect the Company's separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2023.

7. Cash and cash equivalents

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cash at banks	11,296,451,363	7,668,804,630
Cash equivalents	10,000,000,000	-
	21,296,451,363	7,668,804,630

Cash equivalents represented term deposits at banks with original terms to maturity of three months or less from the transaction dates.

8. Accounts receivable from customers

There was no balance due from related parties in accounts receivable from customers (1/1/2023: Nil).

Movements of the allowance for doubtful debts during the period were as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Opening balance	19,273,669,102	19,647,876,013
Allowance utilised during the period	(443,433,608)	(125,070,956)
Allowance reversed during the period	(1,718,582,500)	(97,510,879)
	17,111,652,994	19,425,294,178

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

9. Loans receivable

(a) Short-term loans receivable

Terms and conditions of short-term loans receivable in VND were as follows:

	Year of maturity	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<i>Directly owned subsidiary</i>			
▪ MEATDeli HN Company Limited	March 2024	39,000,000,000	-
<i>Indirectly owned subsidiary</i>			
▪ MEATDeli Sai Gon Company Limited	May 2024	218,916,497,299	289,700,000,000
<i>Other related party</i>			
▪ Masan Horizon Company Limited (formerly known as “Masan Horizon Corporation”)	June 2024	1,892,477,579,794	2,061,150,000,000
		2,150,394,077,093	2,350,850,000,000

All short-term loans receivable were unsecured and earns interest at rates as stipulated in the loan agreements.

(b) Long-term loans receivable

	Year of maturity	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
3F VIET Joint Stock Company, a directly owned subsidiary (*)	December 2024	70,000,000,000	-
Loans receivable from a counterparty (**)	October 2024	985,000,000,000	985,000,000,000
		1,055,000,000,000	985,000,000,000

(*) This long-term loan receivable was unsecured and earns interest at rates as stipulated in the loan agreement.

(**) The balance represented the loan receivable from a counterparty which earns interest at rate as stipulated in the loan agreement. According to the terms and conditions of the loan agreement, the Company has the right to exchange the loan for 74.99% shares of Masan Jinju Joint Stock Company at the exchange value which will be determined at the exchange date upon the terms and conditions as stipulated in the loan agreement.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

10. Other short-term receivables

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Interest receivable from loans	157,017,633,650	119,553,387,022
Interest receivable from bank deposits	14,315,068	-
Profit distribution receivable from a subsidiary	-	28,000,000,000
Other receivables from subsidiaries	18,366,218,925	20,172,333,386
Payments on behalf of MNS Feed Corporation and its subsidiaries	-	7,965,909,712
Short-term deposits	176,506,530	176,976,808
Others	259,327,530	178,949,674
	<hr/>	<hr/>
	175,834,001,703	176,047,556,602

Other short-term receivables comprised of following amounts due from related parties:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Directly owned subsidiaries</i>		
▪ MEATDeli HN Company Limited	5,289,683,899	9,835,399,959
▪ MML Farm Nghe An Company Limited	1,781,707,629	31,135,513,121
▪ Masan Jinju Joint Stock Company	3,100,000	-
▪ 3F VIET Joint Stock Company	15,342,466	235,309,226
<i>Indirectly owned subsidiaries</i>		
▪ MEATDeli Sai Gon Company Limited	13,888,264,733	54,530,181,451
▪ 3F VIET Food Company Limited	2,238,082,898	235,309,226
▪ MEATDeli HN Company Limited – Ha Nam 02 Branch	1,465,339,066	340,777,976
▪ MEATDeli HN Company Limited – Ha Nam 01 Branch	90,100	-
<i>Other related party</i>		
▪ Masan Horizon Company Limited (formerly known as “Masan Horizon Corporation”)	137,424,981,510	67,905,010,271

Interest receivable from loans to related parties was unsecured and is receivable on the maturity date or repayment date of the respective loan agreements, whichever is earlier. The other amounts due from related parties were unsecured, interest free and are receivable on demand.

Masan MEATLife Corporation

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

11. Long-term financial investments

(a) Investments in subsidiaries

	30/6/2023		1/1/2023	
	% economic interest/voting right	Cost VND	Allowance for diminution in value VND	% economic interest/voting right
MEATDeli HN Company Limited (“Meat Ha Nam”)	100.00%	2,036,000,000,000	-	100.00%
MML Farm Nghe An Company Limited (“Farm Nghe An”)	100.00%	864,000,000,000	-	100.00%
3F VIET Joint Stock Company (“3F VIET”)	51.00%	614,774,300,000	(169,219,431,378)	51.00%
Masan Jinju Joint Stock Company (“MSJ”)*	74.99%	315,033,720,000	-	74.99%
MNS Meat Company Limited (“MNS Meat”)**	99.99%	54,000,000	-	99.99%
		3,829,862,020,000	(169,219,431,378)	5,789,811,020,000
				(73,955,358,964)

The Company has not determined the fair values of investments in subsidiaries for disclosure in the separate interim financial statements because there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these investments may differ from their carrying values.

(*) This represented investment in MSJ (held on behalf by a related party) of which the financial and operating policies are controlled by the Company based on the terms and conditions of the exchangeable loan agreement. The investment cost will be finalised upon the finalisation of the exercise price (Note 9(b)).

(**) As at 30 June 2023, MNS Meat is in the process of liquidation.

Masan MEATLife Corporation

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Movements of investments in subsidiaries during the period were as follows:

	Meat Ha Nam VND	Farm Nghe An VND	3F VIET VND	MSJ VND	MNS Meat VND	Total VND
Opening balance	1,296,000,000,000	864,000,000,000	614,774,300,000	315,033,720,000	2,700,003,000,000	5,789,811,020,000
Additions during the period	740,000,000,000	-	-	-	-	740,000,000,000
Return of investments	-	-	-	-	(2,699,949,000,000)	(2,699,949,000,000)
Closing balance	2,036,000,000,000	864,000,000,000	614,774,300,000	315,033,720,000	54,000,000	3,829,862,020,000

Detailed information of the Company's subsidiaries was described as follows:

Name	Address	Principal activities
MEATDeli HN Company Limited	Lot CN-02, Dong Van IV Industrial Zone, Dai Cuong Commune, Kim Bang District, Ha Nam Province, Vietnam	To process and preserve meat and meat related products
MML Farm Nghe An Company Limited	Con Son Hamlet, Ha Son Commune, Quy Hop District, Nghe An Province, Vietnam	To breed swine
3F VIET Joint Stock Company	10 th Floor, Central Plaza Tower, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	To breed poultry; and process and preserve meat
Masan Jinju Joint Stock Company	Factory 5, Lot 6, Tan Dong Hiep A Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Di An City, Binh Duong Province, Vietnam	To process and preserve meat and meat related products
MNS Meat Company Limited	(In the area of Agro Nutrition International Joint Stock Company) Lot A4, Street No. 4, Song May Industrial Zone, Bac Son Commune, Trang Bom District, Dong Nai Province, Vietnam	Management and investment consulting (except for finance, accounting and legal consulting)

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Movements of the allowance for diminution in value of long-term financial investments during the period were as follows:

	Six-month period ended		
	30/6/2023	30/6/2022	
	VND	VND	
Opening balance	73,955,358,964		-
Allowance made during the period	95,264,072,414		-
Closing balance	169,219,431,378		-

(b) Investment in an associate

	30/6/2023 and 1/1/2023		
	No. of	% economic	Cost
	shares	interest/ voting right	VND
Vissan Joint Stock Company (“Vissan”)	20,180,026	24.94%	648,102,724,017

The principal activity of Vissan is food wholesales.

There was no allowance for diminution in value of investment in an associate of the Company as at 30 June 2023 and 1 January 2023.

There was no movement of investment in an associate during the period.

The Company has not determined the fair value of the investment in an associate for disclosure in the separate interim financial statements because there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair value of this investment may differ from its carrying value.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

12. Accounts payable to suppliers

(a) Accounts payable to suppliers detailed by significant suppliers

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Masan Consumer Corporation	38,225,888,712	44,344,572,562
Other suppliers	2,971,427,244	3,110,101,314
	<hr/>	<hr/>
	41,197,315,956	47,454,673,876
	<hr/>	<hr/>

(b) Accounts payable to suppliers who are related parties

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Parent company</i>		
▪ Masan Group Corporation	455,625,000	2,234,562,749
<i>Other related parties</i>		
▪ Masan Consumer Corporation	38,225,888,712	44,344,572,562
▪ Mobicast Joint Stock Company	8,433,972	-
▪ WinCommerce General Commercial Services Joint Stock Company	7,286,700	-
	<hr/>	<hr/>

The amounts due to related parties were unsecured, interest free and are payable within 30 to 60 days from invoice date.

13. Taxes payable to State Treasury

	1/1/2023	Incurred	Paid	Net-off/	30/6/2023
	VND	VND	VND	Reclassified	VND
				VND	
Value added tax	-	1,232,362,188	-	(1,232,362,188)	-
Personal income tax	2,788,446,307	8,348,490,889	(10,304,933,830)	(152,056,579)	679,946,787
Other taxes	-	28,000,000	(28,000,000)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2,788,446,307	9,608,853,077	(10,332,933,830)	(1,384,418,767)	679,946,787
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

14. Accrued expenses

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Interest expense	77,396,486,301	66,629,470,685
Performance bonus and 13 th salary	2,422,464,000	8,894,390,401
Sale discounts	-	1,729,547,257
Advertising and promotion expenses	-	49,170,000
Others	4,782,322,137	9,529,770,260
	<hr/>	<hr/>
	84,601,272,438	86,832,348,603
	<hr/>	<hr/>

15. Other payables

(a) Other short-term payables

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Advances from employees for the employee stock ownership plans	5,700,140,000	-
Interest payable to MNS Farm Company Limited, an indirectly owned subsidiary	-	1,477,041,096
Interest payable to MNS Meat Processing Company Limited, an indirectly owned subsidiary	-	1,418,734,248
Dividends payable	733,721,100	733,930,575
Others	927,971,411	677,975,705
	<hr/>	<hr/>
	7,361,832,511	4,307,681,624
	<hr/>	<hr/>

(b) Other long-term payables

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Payable for investment in MSJ (Note 11(a))	315,033,720,000	315,033,720,000
	<hr/>	<hr/>

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

16. Borrowings and bonds

(a) Short-term borrowings

	1/1/2023	Movements during the period		30/6/2023
	Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND	Additions VND	Repayments VND	Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND
Short-term borrowings	2,018,200,000,000	3,645,400,000,000	(5,663,600,000,000)	-

Terms and conditions of short-term borrowings were as follows:

	Currency	Annual interest rate	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Unsecured loans from indirectly owned subsidiaries				
▪ MNS Meat Processing Company Limited	VND	(*)	-	1,154,200,000,000
▪ MNS Farm Company Limited	VND	(*)	-	864,000,000,000
			-	2,018,200,000,000

(*) Unsecured loans from indirectly owned subsidiaries bear interest at rates as stipulated in the loan agreements.

(b) Long-term bonds

The carrying amount of the bonds comprised of:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Straight bonds	1,999,980,000,000	1,999,980,000,000
Unamortised bond issuance costs	(22,618,606,981)	(26,189,965,975)
	1,977,361,393,019	1,973,790,034,025

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Terms and conditions of long-term bonds were as follows:

	Currency	Annual interest rate	Year of maturity	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Bonds issued at par					
▪ MMLB2126001	VND	11.3%	2026	1,999,980,000,000	1,999,980,000,000

Bond No. MMLB2126001 has maturity of 5 years (2026) and bore interest rate at 9.5% per annum in the first year and 3.9% per annum plus the amalgamated average 12 months deposit rates of selected major banks in the remaining periods. These bonds are unsecured.

Movements of bond issuance costs during the period were as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Opening balance	26,189,965,975	33,332,683,963
Amortisation during the period	(3,571,358,994)	(3,571,358,994)
Closing balance	22,618,606,981	29,761,324,969

Masan MEATLife Corporation

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

17. Changes in owners' equity

	Share capital VND	Share premium VND	Undistributed profits after tax/ (Accumulated losses) VND	Total VND
Balance as at 1 January 2022	3,269,884,470,000	2,119,005,015,149	28,005,542,651	5,416,895,027,800
Net loss for the period	-	-	(44,130,339,396)	(44,130,339,396)
Balance as at 30 June 2022	3,269,884,470,000	2,119,005,015,149	(16,124,796,745)	5,372,764,688,404
Issuance of shares under ESOP	1,444,930,000	7,174,650,000	-	8,619,580,000
Net profit for the period	-	-	57,693,422,841	57,693,422,841
Balance as at 1 January 2023	3,271,329,400,000	2,126,179,665,149	41,568,626,096	5,439,077,691,245
Net loss for the period	-	-	(150,331,412,108)	(150,331,412,108)
Balance as at 30 June 2023	3,271,329,400,000	2,126,179,665,149	(108,762,786,012)	5,288,746,279,137

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

18. Share capital

The Company's authorised and issued share capital were as follows:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
Authorised share capital	327,132,940	3,271,329,400,000	327,132,940	3,271,329,400,000
Issued share capital				
Ordinary shares	327,132,940	3,271,329,400,000	327,132,940	3,271,329,400,000
Shares in circulation				
Ordinary shares	327,132,940	3,271,329,400,000	327,132,940	3,271,329,400,000

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets.

There was no movement of share capital during the period.

19. Off balance sheet items

(a) Commitment under operating leases

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Within 1 year	132,000,000	420,000,000

(b) Foreign currency

	30/6/2023		1/1/2023	
	Original currency	VND equivalent	Original currency	VND equivalent
USD	1,088	25,432,530	5,204	121,766,335

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

20. Financial income

	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Interest income	99,459,092,502	104,429,693,894
Realised foreign exchange gains	634,189	8,991,935
Unrealised foreign exchange gains	21,755	1,128,246
Gains from sale of trading securities	-	3,087,909,416
	99,459,748,446	107,527,723,491

21. Financial expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Interest expense	110,574,844,933	94,289,196,163
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	95,264,072,414	-
Bond issuance costs	3,571,358,994	3,571,358,994
Others	36,525,847	-
	209,446,802,188	97,860,555,157

22. General and administration expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Staff costs (*)	35,463,461,488	43,848,171,724
Operating leases expenses	690,850,730	669,786,880
Office supplies	548,299,570	947,047,009
Depreciation and amortisation	-	196,529,328
Others	3,843,919,547	8,637,162,419
	40,546,531,335	54,298,697,360

(*) No board fees were paid to the members of the Company's Audit Committee for the six-month period ended 30 June 2023 and 2022.

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

23. Income tax

(a) Reconciliation of effective tax rate

	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Accounting loss before tax	(150,331,412,108)	(44,130,339,396)
Tax at the Company's tax rate	(30,066,282,422)	(8,826,067,879)
Non-deductible expenses	71,359,483	30,271,410
Movements of temporary differences	29,994,922,939	8,795,796,469
	-	-

(b) Unrecognised deferred tax assets

Deferred tax assets have not been recognised in respect of the following items:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Temporary difference	Tax value	Temporary difference	Tax value
	VND	VND	VND	VND
Deductible temporary differences	279,783,506,741	55,956,701,348	172,273,308,169	34,454,661,634
Tax losses	1,082,757,734,361	216,551,546,872	1,040,293,318,235	208,058,663,647
	1,362,541,241,102	272,508,248,220	1,212,566,626,404	242,513,325,281

The tax losses expire in the following years:

Year of expiry	Status of tax review	Tax losses available
		VND
2023	Finalised	202,694,631,599
2024	Finalised	334,832,987,975
2026	Outstanding	405,181,465,911
2027	Outstanding	97,584,232,750
2028	Outstanding	42,464,416,126
		1,082,757,734,361

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Deferred tax assets have not been recognised in respect of these items because it is not probable that future taxable profit will be available against which the Company can utilise the benefits therefrom.

(c) Applicable tax rate

Under the prevailing corporate income tax laws, the Company has an obligation to pay corporate income tax to the government at usual income tax rate of 20% of taxable profits.

(d) Tax contingencies

The taxation laws and their application in Vietnam are subject to interpretation and change over time as well as from one tax office to another. The final tax position may be subject to review and investigation by a number of authorities, who are enabled by law to impose severe fines, penalties and interest charges. These facts may create tax risks in Vietnam that are substantially more significant than in other countries. The Board of Management believes that the Company has adequately provided for tax liabilities based on its interpretation of tax legislation, including on transfer pricing requirements and computation of corporate income tax. However, the relevant authorities may have different interpretations and the effect could be significant.

24. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances disclosed in other notes to the separate interim financial statements, the Company had the following significant transactions with related parties during the period:

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
<i>Parent company</i>		
Masan Group Corporation		
Loans granted	-	258,600,000,000
Loans collected	-	2,921,350,000,000
Interest income from loans and bonds	-	93,417,470,235
<i>Subsidiaries</i>		
MNS Meat Company Limited		
Borrowings received	2,265,400,000,000	-
Borrowings repaid	2,265,400,000,000	-
Interest expense	848,690,413	-
Receipts of capital return	2,699,949,000,000	-

120
 PHO
 KF
 JG
 HN

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
MNS Farm Company Limited		
Borrowings repaid	864,000,000,000	-
Interest expense	1,172,054,795	-
MNS Meat Processing Company Limited		
Borrowings repaid	1,154,200,000,000	-
Interest expense	1,517,852,057	-
MML Farm Nghe An Company Limited		
Loans collected	-	106,000,000,000
Interest income	-	1,715,216,440
Profit distribution received	28,000,000,000	-
MEATDeli HN Company Limited		
Loans granted	39,000,000,000	158,200,000,000
Loans collected	-	117,000,000,000
Interest income	1,042,849,314	1,581,032,877
Borrowings received	1,380,000,000,000	-
Borrowings repaid	1,380,000,000,000	-
Interest expense	489,369,865	-
Contributed capital	740,000,000,000	-
MEATDeli Sai Gon Company Limited		
Loans granted	78,500,000,000	50,000,000,000
Loans collected	149,283,502,701	100,000,000,000
Interest income	7,733,539,812	7,333,816,449
3F VIET Joint Stock Company		
Loans granted	70,000,000,000	-
Interest income	15,342,466	-
Other related parties		
Masan Consumer Corporation		
Management and information technology fees	2,436,128,958	1,780,994,003
Rental expenses	-	208,885,195
Purchase of goods	15,763,633	16,728,182
Mobicast Joint Stock Company		
Purchase of services	44,203,712	-

Masan MEATLife Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2023 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
WinCommerce General Commercial Services		
Joint Stock Company		
Sale of trading securities	-	258,637,909,416
Purchase of goods	142,495,178	103,169,196
Masan Horizon Company Limited		
(formerly known as “Masan Horizon Corporation”)		
Loans granted	-	3,028,150,000,000
Loans collected	168,672,420,206	-
Interest income	80,847,551,033	-
Key management personnel		
Remuneration to key management personnel (*)	1,971,246,000	1,964,775,000

As at and for the six-month period ended 30 June 2023 and 2022, the Company had current and term deposit accounts at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, a related party, at normal commercial terms.

(*) No board fees were paid to the members of the Company’s Board of Directors for the six-month period ended 30 June 2023 and 2022.

The Company provides payment guarantee for its subsidiaries’ borrowings from banks, with below outstanding balance as at reporting date:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
3F VIET Joint Stock Company	317,148,004,780	246,361,499,592
MML Farm Nghe An Company Limited	404,530,356,723	196,000,000,000
MEATDeli HN Company Limited	7,465,216,792	-


Ma Hong Kim
Chief Accountant

August 2023

Nguyen Thi Hong Diem
Chief Financial Officer


Nguyen Quoc Trung
Chief Executive Officer

